

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 216/2018/BCTN-HĐQT

Hoà Bình, ngày 20 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Năm báo cáo: 2017

I. THÔNG TIN CHUNG.**1. Thông tin khái quát.**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**
- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 17/12/2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 01/02/2018.
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng (*Năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng (*Năm trăm tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Xóm Vật Lại – xã Phú Minh – huyện Kỳ Sơn – tỉnh Hòa Bình.
- Số điện thoại: 0218 3840 146. Số fax: 0218 3840 148.
- Website: viwasupco.com.vn
- Mã cổ phiếu: VCW (Đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Công ty TNHH MTV Nước sạch Vinaconex được thành lập theo Quyết định số 0182/2009/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2009 của HĐQT Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng - Vinaconex để quản lý, vận hành và khai thác dự án sau đầu tư;

- Tháng 9 năm 2009: Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số: 0661/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam – Vinaconex về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Nước sạch Vinaconex thành Công ty cổ phần Nước sạch Vinaconex; Ngày 01/02/2018 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp và thông qua việc đổi tên Công ty cổ phần Nước sạch Vinaconex thành **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**.

- Đến ngày 31/12/2017 các Cổ đông lớn của Công ty gồm:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	25.210.000	50,42
2	Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh	17.340.000	34,68

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

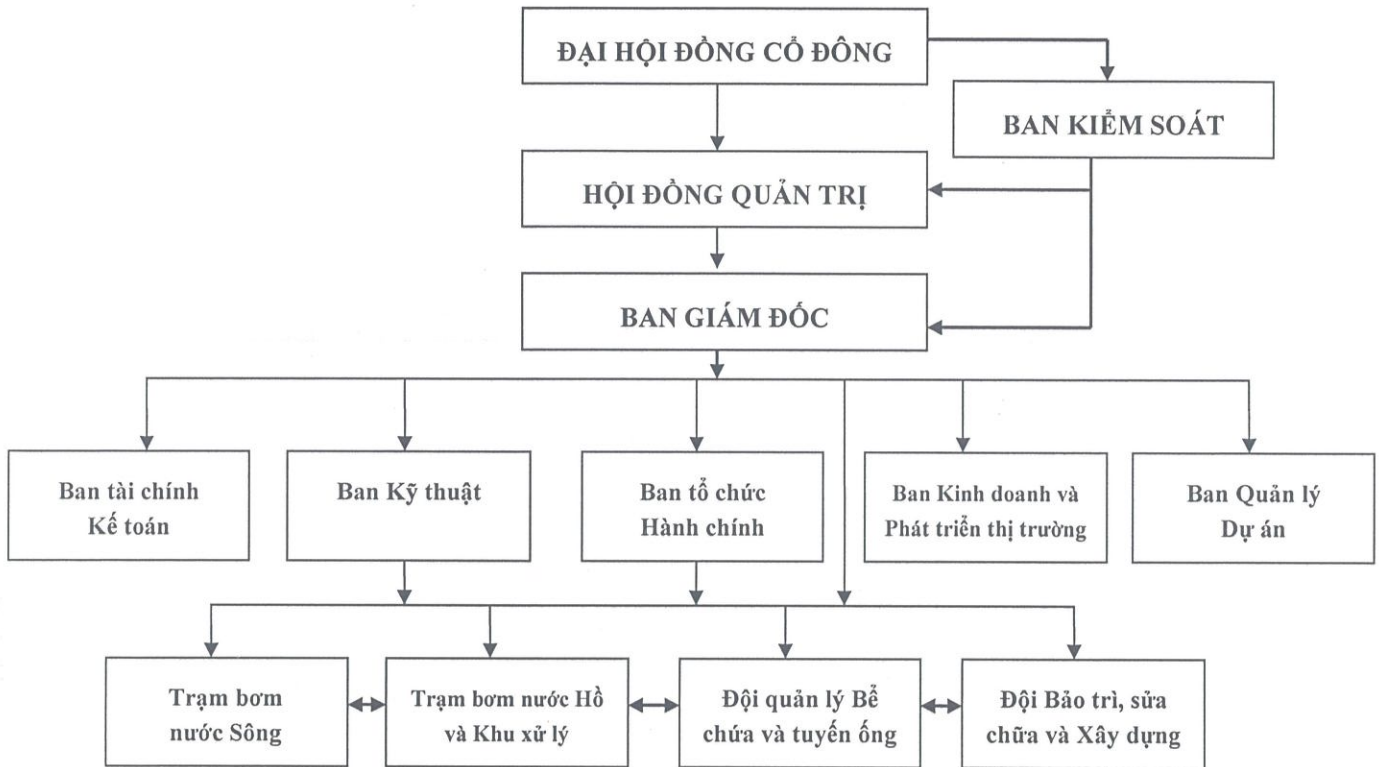
– Hoạt động chính hiện nay của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400310164 đăng ký thay đổi lần 3, ngày 07/02/2018 gồm các ngành nghề cụ thể như sau:

- + Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);
- + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai). Bán buôn, bán lẻ: Nước sạch, Máy móc, thiết bị, vật tư ngành nước.
- + Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác)
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất nguồn nước).
- + Địa bàn Kinh doanh: Hiện nay Công ty đang cấp nước cho toàn bộ phía Tây Nam thành phố Hà Nội gồm các quận: Thanh Xuân, Hoàng Mai, Cầu Giấy, Hà Đông và một số quận nội thành thành phố Hà Nội và một số khu vực khác thuộc Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai - Miếu Môn – Hà Đông – Hà Nội”.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Sơ đồ tổ chức:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ



b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp thường niên vào tháng Tư hàng năm. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- + Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- + Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- + Kế Hoạch Kinh Doanh Hằng Năm của Công Ty;
- + Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- + Và các vấn đề được ghi trong Điều lệ Công ty.

- Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có đầy đủ quyền hạn quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên, Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc và Thư ký HĐQT.

- **Hội đồng quản trị đương nhiệm nhiệm kỳ 2015 – 2020 gồm:**

- | | |
|------------------------------|--------------|
| 1. Ông Lưu Việt Thịnh | - Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Văn Tồn | - Thành viên |
| 3. Ông Phạm Mạnh Hà | - Thành viên |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Hiền | - Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình | - Thành viên |

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, là tổ chức thay mặt cổ đông giám sát, kiểm tra mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên

- **Ban Kiểm soát đương nhiệm nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm:**

- | | |
|----------------------------|--------------|
| 1. Bà Phạm Thị Minh Cúc | - Trưởng Ban |
| 2. Ông Tào Minh Dương | - Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh | - Thành viên |

- Ban Giám đốc

- Công ty thành lập Ban Giám đốc mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc sẽ bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính và Người điều hành khác được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

- **Ban Giám đốc Công ty gồm:**

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Tồn | - Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Quang Hưng | - Phó Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Trương Quốc Dương | - Phó Tổng giám đốc |
| 3. Ông Hoàng Văn Anh | - Kế toán trưởng |
| 4. Ông Bùi Đăng Khoa | - Giám đốc Tài chính |

Các Ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc Công ty gồm:

- ✓ Ban Tổ chức Hành
- ✓ Ban Tài chính Kế toán
- ✓ Ban Kỹ thuật
- ✓ Ban Kinh doanh Phát triển thị trường
- ✓ Ban Quản lý Dự án
- ✓ Trạm bơm nước Sông
- ✓ Trạm bơm nước Hồ
- ✓ Phân xưởng nước sạch
- ✓ Đội Bảo trì sửa chữa và Xây dựng
- ✓ Đội Quản lý Bể chứa và Tuyến ống

5. Định hướng phát triển

– Công ty đang cấp nước ổn định, liên tục, đảm bảo lưu lượng, áp lực và chất lượng theo đúng tiêu quy định của Bộ Y tế cho chính quyền và nhân dân phía Tây Nam thành phố Hà Nội, Gồm các quận: Thanh Xuân, Hà Đông, Hoàng Mai, một phần của Quận Cầu Giấy, Đống Đa, Quận Nam Từ Liêm và một số Doanh nghiệp, Đơn vị nằm cạnh hệ thống truyền tải Nước sạch dọc Đại lộ Thăng Long, với số lượng là 11 khách hàng, với công suất Giai đoạn 1 hiện nay là 300.000m³/ngđ.

– Công ty đang triển khai Đầu tư Dự án Giai đoạn 2, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ và hướng đến năm 2050 đạt 1.500.000m³/ngđ theo Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Các rủi ro:

Nhu cầu đăng ký sử dụng nước của khách hàng rất lớn, ngày càng gia tăng tuy nhiên khả năng cung cấp của Viwasupco bị hạn chế do nhà máy đã khai thác hết công suất của tuyến ống truyền tải nước sạch.

Tốc độ tăng trưởng sản lượng từ 2011 đến 2017 là 29%. Tuy nhiên đến năm 2014 là năm nhà máy phát huy tối đa công suất theo thiết kế nên sản lượng bán ra năm 2017 giữ ở mức tương đương năm 2013. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
1	Sản lượng	m3/ngđ	218,602	228,078	233,129	216,243	220,000
2	Tốc độ tăng trưởng sản lượng	%	13%	5%	2%	-1%	1,0%
3	Số lượng khách hàng		10	11	13	14	11

- Do giới hạn của việc phân vùng cấp nước, trong đó Công ty chỉ được cấp nước ở khu vực phía Tây Nam của thành phố Hà Nội. Trong khi các khu công nghiệp và đô thị dọc Đại lộ Thăng Long và khu phía Tây Nam đang phải dừng, dẫn tiến độ thi công do suy thoái kinh tế.

- Một trong những chi phí lớn trong tổng chi phí sản xuất là chi phí điện năng. Giá điện luôn trong xu hướng tăng trong khi đó lộ trình tăng giá nước của Thành phố Hà Nội còn rất thấp so với các Thành phố khác.

- 90% tổng lượng nước được bán cho 3 khách hàng chính bao gồm Viwaco, Hawaco và Nước sạch Hà Đông. Vì vậy mà những thay đổi bất thường trong nhu cầu của các công ty này sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Chi phí bảo dưỡng tăng cao trong năm 2017, một phần là do công ty chi phí cho công tác khắc phục sự cố tuyến ống và các thiết bị, máy móc đã đến thời gian bảo dưỡng lớn và thay thế nhằm đảm bảo an toàn và liên tục, giảm thiểu tối đa thời gian ngừng cấp nước. Việc xảy ra sự cố tuyến ống truyền tải nước sạch có thể ảnh hưởng đến sản lượng, doanh thu cũng như sự hài lòng của khách hàng đối với Viwasupco.

- Công suất và chất lượng của ống truyền tải: Viwasupco sử dụng vật liệu mới là ống Cốt sợi Thủy tinh lại chạy dọc giữa giải phân cách của Đại lộ Thăng Long, qua nhiều khu vực có nền địa chất yếu, không ổn định với mật độ ô tô chở vật liệu xây dựng lưu thông hàng ngày rất cao nên luôn tiềm ẩn những nguy cơ xảy ra rò rỉ và vỡ ống trong khi Công ty chỉ có một đường ống độc đạo rất nguy hiểm khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.2. Các hoạt động triển khai trong năm 2017

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện %	Ghi chú
	Sản lượng m ³	81.305.350	80.303.282	99%	
I	Tổng Doanh thu	422.295.913.011	418.538.139.427	99%	
1	Doanh thu từ bán nước	419.191.173.725	413.890.552.682	99%	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện %	Ghi chú
2	Doanh thu tài chính	3.104.739.286	4.615.586.745	148,6%	
3	Thu nhập khác		32.000.000		
4	Lợi nhuận trước thuế	169.804.946.808	179.068.446.317	105%	
5	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	8.490.247.340	9.176.424.604	108%	
6	Lợi nhuận sau thuế	161.314.699.468	169.892.021.713	105%	

1.2.1 Chăm lo đời sống cho người lao động:

- Đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian và theo đúng Nghị quyết, quyết định, quy chế phân phối tiền lương của Công ty và Quỹ lương được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động trong Công ty như: Chế độ thai sản, ốm đau, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN ... với số tiền hơn 2,8 tỷ đồng (trong đó giải quyết các chế độ cho người lao động hơn 30 triệu đồng).

- Làm tốt công tác tổ chức cán bộ như điều động, giới thiệu bổ nhiệm, miễn nhiệm và công tác tuyển dụng nhân sự để bổ sung cho các Ban nghiệp vụ, đơn vị còn thiếu đáp ứng yêu cầu công việc được giao cụ thể như: làm thủ tục bổ nhiệm cho 01 đồng chí là Giám đốc Ban Kỹ thuật; giao nhiệm vụ cho 09 đồng chí đối với chức vụ Phụ trách và thôi giao nhiệm vụ cho 03 đồng chí chuyển làm công việc khác theo đúng trình tự thủ tục quy định của Tổng Công ty cổ phần Vinaconex.

- Công tác đào tạo: Đã cử 95 lượt cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước với số tiền gần 900 triệu đồng.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động: luôn đảm bảo môi trường làm việc "Xanh – Sạch – Đẹp".

- Công tác bảo vệ an ninh trật tự: Giữ gìn an ninh trật tự và phối hợp với lực lượng Công an các cấp và Công an xã trong công tác tuần tra, kiểm tra nên trong năm 2017 không để xảy ra tình trạng mất cắp tài sản và mất an ninh trật tự trên địa bàn, khu vực sản xuất.

- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV cụ thể như: Tổ chức cho CBCNV trực Tết cũng như các ngày Lễ lớn của dân tộc trong không khí đầm ấm, tiết kiệm và hiệu quả. Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, tạo sân chơi lành mạnh cho CBCNV sau các giờ nghỉ.

- Thực hiện việc áp dụng thang bảng lương mới cho CBCNV trong Công ty theo đúng quy định của Pháp Luật.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2015. Phối hợp với các đơn vị trực thuộc triển khai áp dụng và có đề xuất khi có sự không phù hợp để kịp thời sửa đổi cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán hỗ trợ cung cấp tài liệu kịp thời cho đơn vị Kiểm toán Nhà nước năm 2017.

- Thực hiện việc công bố thông tin của Công ty đại chúng cơ bản theo đúng Quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các Ban nghiệp vụ và Thư ký Công ty làm tốt công tác chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị thường niên, đột xuất và xin ý kiến bằng văn bản ... trình Hội đồng quản trị ký ban hành.

1.2.2 Tình hình sản xuất của Công ty:

- Thực hiện sản xuất nước an toàn đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đề ra QCVN số: 03/2012/BYT;

- Công tác bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, tuàn và kiểm tra tuyến ống theo đúng kế hoạch yêu cầu quy trình công nghệ; Duy trì cung cấp nước an toàn ổn định cho khách hàng.

1.2.3 Phát triển khách hàng

- Ban Kinh doanh và Phát triển thị trường đã tiến hành khảo sát, tìm hiểu và tiếp xúc với các khách hàng trên dọc tuyến có đường truyền tải nước sạch của Công ty đi qua, tiếp xúc và làm việc với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty Đồng Tiến Thành, Tây Hà Nội ... với mục tiêu thúc đẩy sử dụng nguồn nước sạch của Công ty nhằm mục đích đạt kế hoạch tiêu thụ nước sạch đã đề ra của các tháng, quý và năm.

- Đã triển khai đấu nối cho Công ty TNHH Đồng Tiến thành Hà Nam. Đây là đơn vị cung cấp nước cho thị trấn Quốc Oai và một số xã thuộc huyện Quốc Oai. Trung tâm gìn giữ hòa bình...

1.2.4 Công tác Đầu tư dự án Giai đoạn 2 dự án dự án hệ thống cấp nước Chuối dõ thị Sơn Tây- Hòa Lạc-Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông:

a. Các công việc đã hoàn thành

* Đầu tư Bể chứa và Trạm bơm tăng áp

- Công tác thiết kế: Hạng mục tuyến ống truyền tải 6,4km và Trạm điều tiết lưu lượng Tây Mỗ: Đã hoàn thiện công tác thiết kế cơ sở được thẩm tra và Bộ Xây dựng thẩm định. Công ty đã triển khai công tác khảo sát xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

- Công tác mua sắm vật tư, máy móc cho Dự án:

+ Công ty đã làm việc xong với các nhà cung cấp, hiện tại các nhà cung cấp đã sản xuất vật tư, thiết bị cho Dự án, đặc biệt là các loại vật tư thiết bị phải nhập khẩu mất nhiều thời gian ảnh hưởng tiến độ dự án.

+ Ống gang dẻo do nhà sản xuất là Công ty TNHH sản xuất ống Jindal Saw; các loại bơm, máy móc khác được nhập khẩu từ Châu Âu. Hiện Công ty đang cử đoàn cán bộ sang các nhà máy sản xuất của nhà cung cấp để giám sát quá trình sản xuất ống gang và phụ kiện ống gang.

+ Dự kiến chuyển hàng ống gang dẻo và phụ kiện sẽ cập cảng Hải Phòng cuối tháng 3 năm 2018. Đối với các phụ kiện như Bơm, Van, Thiết bị điện dự kiến sẽ về đến chân công trình cuối tháng 5/2018.

- Công tác ngoài hiện trường.

+ Công tác đang tiến hành ép cọc thử.

+ Công tác chuẩn bị mặt bằng đã được chuẩn bị đầy đủ để khi ống về có thể tiến hành thi công trong thời gian nhanh nhất. Dự án Bể chứa và Trạm bơm tăng áp dự kiến tháng 7/2020 sẽ hoàn thành.

* Hạng mục tuyến ống từ cống viện phim đến trạm bơm tăng áp: dài 23km, dự kiến hoàn thành vào tháng 11/2018.

* Hạng mục tuyến ống từ Bể chứa đến cống viện phim: Dài 5,6km, dự kiến hoàn thành vào tháng 2/2019.

* Hạng mục trạm bơm Hồ 2 và tuyến ống từ Bể chứa đến Nhà máy nước (khu xử lý nước): dài 11,3km, dự kiến hoàn thành vào tháng 3/2019.

Khi hoàn thành các hạng mục trên Công ty sẽ cấp cho Thành Phố tăng thêm khoảng 150.000m³/ngđ, như vậy từ tháng 3/2019 tổng lượng nước cung cấp cho thành phố được khoảng 450.000m³/ngđ.

* Các hạng mục còn lại như khu xử lý, trạm bơm nước dân, trạm bơm sông, sẽ hoàn thành vào tháng 10/2019. Như vậy, đến tháng 10/2019, Công ty sẽ hoàn thành nâng công suất Dự án giai đoạn II là 600.000m³/ngđ.

* Ngoài ra, sang năm 2020, Công ty sẽ nâng công suất của Trạm bơm tăng áp lên 600.000m³/ngđ và cải tạo tuyến ống thứ nhất. Do đó, Công ty nâng công suất cấp nước cho Thành phố Hà Nội khoảng 900.000m³/ngđ.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Thành viên Ban Giám đốc

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Tồn - Ủy viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty

Kỹ sư Xây dựng – Ngành Cấp thoát nước, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Được bầu là Thành viên HĐQT Công ty Kiểm Tổng Giám đốc Công ty tháng 3 năm 2015. Ông Nguyễn Văn Tồn đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng (chuyên ngành cấp thoát nước) và kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước.

2.1.2 Ông Nguyễn Quang Hưng - Phó Tổng Giám đốc.

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ Xây dựng.

Ông Nguyễn Quang Hưng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/01/2018. Ông Nguyễn Quang Hưng đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và quản lý các dự án lớn.

2.1.2 Ông Trương Quốc Dương – Phó Tổng Giám đốc Công ty.

Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Ông Trương Quốc Dương được bầu làm Phó Tổng Giám đốc Công ty từ tháng 6 năm 2013, được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý Ban Quản lý Dự án trực thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà. Ông Trương Quốc Dương có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Xây dựng và Quản lý dự án.

a. Chính sách đối với người lao động.

Số lượng cán bộ nhân viên:

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 163 lao động. Trong đó:

- + Trình độ trên Đại học: 4 người
- + Trình độ Đại học: 57 người
- + Trình độ Cao đẳng, Trung cấp: 7 người
- + Công nhân kỹ thuật: 94 người
- + Lao động phổ thông: 1 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng giá trị tài sản	1.092.279.321.953	1.120.014.849.050	1.115.851.469.455	1.098.892.614.093
2	Doanh thu thuần	361.290.161.356	401.974.350.395	407.168.703.640	413.890.552.682
3	Lợi nhuận từ HĐKD	89.761.827.364	147.277.771.635	170.350.096.535	179.036.895.974
4	Lợi nhuận khác	(15.282.671)	(14.149.656)	(493.725.817)	31.550.343

5	Lợi nhuận trước thuế	89.746.544.693	147.263.621.979	169.856.370.718	179.068.446.317
6	Lợi nhuận sau thuế	89.746.544.693	147.263.621.979	161.207.305.649	169.892.021.713

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015, 2016 và BCTC năm 2017 của VIWASUPCO

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,87	0,35	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,48	2,7	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,31	0,22	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	4,09	3,22	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,36	0,37	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,37	0,41	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,2	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,13	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,37	0,4	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
1	Mã giao dịch:	VCW	
2	Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần	
3	Thị trường niêm yết:		
4	Người chịu trách nhiệm CBTT	Ông Vương Ngọc Văn Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính	
5	Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000	100%
6	Loại cổ phần	Phổ thông	

b) Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 31/12/2017:

STT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	25.210.000	50,42	
2	Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh	17.340.000	34,68	
4	Các cổ đông khác	7.450.000	14,9%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: 25.000 cổ phần (Công ty cổ phần Vinaconex - Dung Quất).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện %	Ghi chú
	Sản lượng m ³	81.305.350	80.303.282	99%	
I	Tổng Doanh thu	422.295.913.011	418.538.139.427	99%	
1	Doanh thu từ bán nước	419.191.173.725	413.890.552.682	99%	
2	Doanh thu trợ giá				
3	Doanh thu xây lắp				
4	Doanh thu tài chính	3.104.739.286	4.615.586.745	148,6%	
5	Thu nhập khác		32.000.000		

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện %	Ghi chú
II	Tổng Chi phí	252.490.966.203	239.469.693.110	94,8%	
1	Hóa chất- Điện năng	63.552.167.840	59.396.592.393	93,45	
2	Tổng Chi phí Lương và các chi phí liên quan	30.587.426.293	30.511.271.169	99,7%	
3	Khấu hao	98.586.977.658	97.009.234.823	98,4%	
4	Phí môi trường rừng	4.227.877.938	4.184.506.664	99%	
5	Thuế tài nguyên	4.191.911.737	4.244.648.072	101,3%	
6	Chi phí sản xuất chung khác		2.575.208.756		
7	Chi phí Bảo dưỡng, khác phục sự cố...	16.209.724.548	11.654.779.555	72%	
8	Chi phí tài chính	14.160.905.532	12.823.801.151	90,6%	
	<i>Chi phí lãi vay</i>	13.160.905.532	12.479.017.143	94,8%	
	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	1.000.000.000	344.784.008	34,5%	
9	Chi phí quản lý, bán hàng khác	20.973.974.657	17.069.650.528	81,3%	
III	Lợi nhuận trước thuế	169.804.946.808	179.068.446.317	105%	
IV	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	8.490.247.340	9.176.424.604	108%	
V	Lợi nhuận sau thuế	161.314.699.468	169.892.021.713	105%	

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017:

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01		179.068.446.317
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02		96.656.680.615
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.615.586.745)
Chi phí lãi vay	06		12.479.017.143
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		283.588.557.330
Biến động các khoản phải thu	09		31.689.128.043
Biến động hàng tồn kho	10		(1.177.265.024)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.835.905.344)
Biến động chi phí trả trước	12		2.143.192.153
			302.407.707.158
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.050.944.522)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.080.576.944)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.833.674.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		272.442.511.382
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(71.083.519.354)
Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		125.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		4.615.586.745
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.342.932.609)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33		23.011.430.981
Tiền trả nợ gốc vay	34		(112.932.565.433)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(74.784.083.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(164.705.217.702)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		41.394.361.071
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		103.491.309.538
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70		144.885.670.609

2. Các hoạt động triển khai trong năm 2017.

- Viwasupco bước vào năm 2017 với những thuận lợi hơn nhu cầu cấp nước của Thành phố Hà Nội ngày càng tăng mạnh do tốc độ phát triển đô thị khu vực tây nam thành phố và dọc đường láng hòa lạc.

- Được sự tạo điều kiện thuận lợi của Thành phố Hà Nội, Tỉnh Hòa Bình, các xã đơn vị đóng quân có đường ống đi qua, cùng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ Tổng công ty Vinaconex và cổ đông lớn Công ty cổ phần đầu tư phát triển sinh thái. Năm 2017 Viwasupco đã đạt được lợi nhuận sau thuế 169,89 tỷ đạt 105% so với kế hoạch.

- Song song với những thuận lợi kể trên công ty cũng đang đối diện với đường ống truyền tải vẫn xảy ra sự cố dẫn đến sản lượng bán ra chưa đạt như kỳ vọng.

- Công tác đầu tư vẫn còn vướng chưa triển khai kịp thời hỗ trợ cho tuyến ống giai đoạn I.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017		TH 2016/TH 2017 (%)
		KH	TH	
1. Sản lượng	m ³	81.305.350	80.303.282	98%
2. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	422,2	418,5	98%
- Doanh thu tiền nước	nt	419,1	413,9	98%
- Doanh thu hoạt động tài chính	nt	3,1	4,6	67%
3. Chi phí	Tỷ đồng	252,4	239,5	100,4%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	169,8	179	94,9%
5. Thuế TNDN	Tỷ đồng	8,5	9,17	93,7%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	161,3	169,8	94,9%

3. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

TT	Khoản mục chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	KH 2018/TH 2017 (%)
1	Sản lượng(m3)	m3	80.303.282	81.143.585	101%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	418,5	421,1	101%

3	Chi phí	Tỷ đồng	239,5	258,2	107%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	179	162,9	91%
5	Thuế TNDN phải nộp	Tỷ đồng	9,17	8,1	88%
6	Tổng các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	37,9	23,6	62%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	169,8	154,8	91%

3.1 Chăm lo đời sống cho CBCNV Công ty:

- Triển khai thực hiện tốt phương án bảo vệ nhà máy nước đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 và đề xuất việc Ký kết Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống sản xuất, cung cấp nước sạch giữa Công ty và Công an tỉnh Hòa Bình; Sớm hoàn tất thủ tục hồ sơ trình Bộ Công an phê duyệt để đưa Nhà máy nước Sông Đà vào là Công trình trọng điểm liên quan đến an ninh Quốc gia.

- Hoàn thành việc Sửa đổi quy chế phân phối tiền lương của CBCNV Công ty theo quy định của pháp luật; phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo giữ chân được CBCNV có trình độ kinh nghiệm, đồng thời thu hút được người lao động có trình độ tay nghề, kinh nghiệm làm việc tại Công ty trong thời gian tới..

- Tiếp tục thực hiện mở rộng chiến lược nhân sự: đảm bảo phát triển nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty. Quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn, cán bộ chủ chốt cốt cán với phát triển nguồn nhân lực cao là điểm trọng yếu, sản xuất phục vụ chiến lược phát triển của Công ty.

- Lập kế hoạch tuyển dụng bổ sung nhân sự cho các Ban nghiệp vụ, lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự cho giai đoạn tiếp theo của Dự án và lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho Cán bộ công nhân viên Công ty.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách đãi ngộ cho cán bộ nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao.

- Tham mưu cho Ban Giám đốc sửa đổi bổ sung hoàn thiện hệ thống các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ nhằm nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong công tác quản trị, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường khả năng giám sát Tài chính, kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và phát huy hiệu quả tối đa đồng vốn đầu tư của các Cổ đông.

- Thực hiện các công việc liên quan đến thay đổi tên Công ty, thay đổi giấy phép Kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

- Đảm bảo việc chi lương và đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đúng theo quy định của Pháp luật quy định.

- Đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động trong Công ty luôn Xanh – Sạch – Đẹp, tránh không để xảy ra mất an toàn lao động trong sản xuất.

- Nghiên cứu các quy định mới của pháp luật để kịp thời tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc đãi ngộ đối với người lao động có tay nghề cao, có trình độ chuyên môn và thu hút nguồn nhân lực có trình độ khi cần tuyển dụng.

- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, các cụm an ninh trên địa bàn nhằm đảm bảo không để xảy ra mất trật tự, giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn tại liên quan đến tái lấn chiếm và nhất là bảo vệ an ninh nguồn nước.

3.2 Sản xuất kinh doanh

- Thực hiện sản xuất nước an toàn đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đề ra QCVN số: 03/2012/BYT;

- Công tác bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, tuàn và kiểm tra tuyến ống theo đúng kế hoạch yêu cầu quy trình công nghệ; Duy trì cung cấp nước an toàn ổn định cho khách hàng.

3.3 Phát triển khách hàng.

- Tiếp tục duy trì Phối hợp cùng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Nước sạch (VIWACO), Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty CP Dịch vụ địa chất, Khu đô thị Bắc An Khánh, Khu đô thị An Khánh – An Thượng và Công ty Cp VICOSTONE, Làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam, Trung tâm thể thao Viettel, Công ty CP Sản xuất & Thương mại Ngọc Hải, Công ty BĐS Xuân Cầu, Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng, Trung tâm hành động bom mìn Việt Nam để cung cấp nước ổn định.

- Tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch của các khách hàng đang sử dụng nước của công ty để tìm ra giải pháp kích thích khách hàng sử dụng nhiều nước hơn nữa của Công ty.

- Phát triển thêm các khách hàng mới, mở rộng địa bàn cấp nước.

3.4 Công tác tài chính:

- Cân đối nguồn tiền trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng đúng hạn, đảm bảo chi trả nợ mua vật tư hóa chất điện năng phục vụ sản xuất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Thực hiện thanh toán chi trả đầy đủ đúng thời gian cho người lao động.

Thực hiện các chế độ chính sách theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Với vai trò đại diện cho các Cổ đông của Viwasupco, trong năm 2017 các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để định

hướng, chỉ đạo, giám sát ... đưa ra những quyết định kịp thời mang lại hiệu quả; Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án của Công ty.

1.1 Công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ và người đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại đơn vị Công ty góp vốn thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế tổ chức hoạt động, quản lý; Cụ thể năm 2017, Hội đồng quản trị đã họp và ban hành **18 Nghị quyết; 15 Quyết định**. Phê duyệt các nội dung cần thiết để triển khai các gói thầu trong hoạt động đầu tư xây dựng Giai đoạn II của dự án như:.

- Giúp Ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả quản lý kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty đồng thời chỉ đạo Ban Giám đốc từng bước bổ sung hoàn thiện lực lượng cán bộ chủ chốt và tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực, kinh nghiệm. Năm 2017 Hội đồng quản trị đã nhất trí phê duyệt cho 04 ủy viên Hội đồng quản trị có đơn xin từ nhiệm thôi không tham gia Hội đồng quản trị Công ty và bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị thay thế vào tháng 4, tháng 12 năm 2017.

- Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý tổ chức các phiên họp để thảo luận về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời hỗ trợ Ban Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; Các phiên họp đều mời đại diện Ban kiểm soát tham dự và đều có biên bản họp đồng thời được cụ thể hóa các nội dung cuộc họp trong Nghị quyết được biểu quyết thông qua theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi qua email và gửi phiếu xin ý kiến bằng văn bản các vấn đề cần thiết để kịp thời triển khai các công việc phục vụ cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia ý kiến, chỉ đạo trực tiếp đối với một số vấn đề phát sinh quan trọng, đột xuất với Ban giám đốc, đặc biệt là công tác đầu tư dự án, quản lý tài chính và vấn đề nhân sự chủ chốt của Công ty.

- Phê duyệt và ra quyết định các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty ủy quyền và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động sản xuất

kinh doanh mang lại hiệu quả, chất lượng cao.

2. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và điều hành Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kết thúc năm 2017 Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra; cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỉ lệ % so với Kế hoạch
1	Sản lượng	m ³	81.305.350	80.303.282	98,7%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	422.295.913.011	418.538.139.427	99%
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	161.314.699.468	169.892.021.713	105%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	16.910.037.016	37.916.875.712	224%

2.3 Công tác giám sát tài chính:

- Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty, đảm bảo làm tốt công tác cân đối dòng tiền để trả nợ gốc và lãi ngân hàng đúng và trước hạn, đảm bảo chi trả cổ tức, mua vật tư hóa chất, điện năng phục vụ sản xuất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên trong năm 2017, HĐQT đã tích cực chỉ đạo Ban Giám đốc làm việc với các tổ chức tín dụng để huy động vốn phục vụ cho việc đầu tư của dự án giai đoạn II đầy đủ, kịp thời.

2.4 Thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của Công ty niêm yết và quan hệ với cổ đông.

- Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết như: Báo cáo tài chính, báo cáo giao dịch cổ phần nội bộ, báo cáo về chốt danh sách cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý Cổ đông.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành Công ty năm 2017.

* Những kết quả đạt được tiêu biểu của Ban điều hành năm 2017:

- Ban Giám đốc Công ty luôn sâu sát trong hoạt động SXKD; chấp hành tốt các quy định của pháp Luật, Điều lệ Công ty và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đặc biệt là:

+ Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

+ Trong điều kiện kinh tế khó khăn, Ban điều hành đã chủ động, tích cực trong việc thu hồi công nợ và tìm kiếm nguồn vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư Dự án giai đoạn II.

+ Ban Điều hành Công ty thường xuyên đưa ra những đề xuất kịp thời với Hội đồng quản trị, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tối đa chi phí hóa chất, điện năng; đồng thời làm tốt việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với các Cổ đông; công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

+ Chủ động tìm kiếm và tận dụng những cơ hội trong kinh doanh để mở rộng thị trường, đồng thời khẳng định thương hiệu “Nước sạch Sông Đà” với chính quyền và nhân dân thành phố Hà Nội

*Kết luận: Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh các hoạt động phù hợp với thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị công ty.

4. Một số nhiệm vụ điều hành trọng tâm của Hội đồng quản trị năm 2018.

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, với ý thức, trách nhiệm trước Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 như sau:

- Ban Giám đốc Công ty cần chủ động và sớm xây dựng giá bán Nước sạch đảm bảo tính đúng tính đủ để bảo vệ giá nước với các cơ quan liên quan của thành phố Hà Nội trong năm tới. Trong đó có tính tới lộ trình tăng giá bán nước sạch với giá bán buôn trong những năm tới.

- Tăng cường công tác quản trị, đề ra các chiến lược và giải pháp chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với một số chỉ tiêu chính sau:

Đơn vị: Triệu VNĐ

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu	418.538.139.427	421.498.925.346
2	Sản lượng (m ³ /ngđ)	80.303.282	81.143.585
3	Nộp ngân sách	37.916.875.712	23.646.146.773
4	Lợi nhuận sau thuế	169.892.021.713	154.773.992.322

- Tập trung chỉ đạo Ban điều hành chủ động đảm bảo đủ dòng tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất nhất là Đầu tư Dự án giai đoạn II nâng công suất lên 600.000m³/ngđ liên tục.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm tối đa các chi phí và tránh gây thất thoát, lãng phí vật tư.

- Tăng cường, tận dụng triệt để các mối quan hệ để hỗ trợ và giúp cho Ban điều hành Công ty không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, mở rộng thị trường góp phần tăng sản lượng, doanh thu.

- Tiếp tục kiện toàn và cơ cấu lại tổ chức bộ máy Công ty nhất là đối với Ban quản lý dự án, đảm bảo nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, đầu tư phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và sự phát triển của đơn vị;

- Để đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn liên tục phục vụ cho nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng quản trị sẽ tăng cường công tác Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc khẩn trương hoàn tất các thủ tục để triển khai thi công ngay Trạm bơm tăng áp xong xong với việc thực hiện toàn bộ Dự án Giai đoạn II của Dự án nâng công suất lên 600.000 m³/ngày

- Kịp thời phát hiện, khắc phục ngay các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn trong sản xuất, đặc biệt là đối với tuyến ống truyền tải nước sạch và Kênh dẫn nước trạm bơm nước Sông; duy tu, bảo dưỡng các máy móc thiết bị xử lý sự cố tuyến ống;

- Thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ; Tập trung xây dựng, đào tạo và có chính sách thu hút đội ngũ Cán bộ kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật có trình độ, tay nghề cao (thông qua chế độ lương, thưởng...) bên cạnh đó nghiên cứu ứng dụng các phương thức quản lý sản xuất tiên tiến hiện đại; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị, sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Bổ sung hoàn thiện hệ thống các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ nhằm nâng cao tính minh bạch, chuyên nghiệp trong công tác quản trị, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tăng cường khả năng giám sát Tài chính, kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và phát huy hiệu quả tối đa đồng vốn đầu tư của các Cổ đông.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút nhân tài, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng tuyển dụng, bố trí sắp xếp lại đội ngũ CBCNV đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Rà soát, đánh giá lại tiêu chuẩn, số lượng, chất lượng của cán bộ quản lý và cán bộ công nhân viên các đơn vị để củng cố, sắp xếp và kiện toàn mô hình quản lý phù hợp với quy mô và định hướng phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo Ban điều hành làm tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Hòa Bình để thực hiện việc tuyên truyền bảo vệ “An ninh nguồn nước” và “Kế hoạch cấp nước an toàn” cũng như triển khai ngay việc ký kết quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự, an ninh nguồn nước với Công an tỉnh Hòa Bình và làm các thủ tục để đưa nhà máy Nước Sông Đà vào là công trình quan trọng liên quan đến an ninh Quốc Gia ...

Số thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHCĐ.

HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 gồm:

✓ Ông Lưu Việt Thịnh	Chủ tịch
✓ Ông Nguyễn Văn Tốn	Thành viên
✓ Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên

- ✓ Ông Nguyễn Trọng Hiền Thành viên
- ✓ Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình Thành viên

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 Hội đồng quản trị Công ty luôn tăng cường Công tác giám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ và người đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại đơn vị Công ty góp vốn thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế tổ chức hoạt động, quản lý:

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Cổ phần	Tỷ lệ %
1	Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	0	0
2	Tào Minh Dương	Thành viên	0	0
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do ban Giám đốc độc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

1. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao/năm	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị			
1	Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	346.000.000	Đã nghỉ
2	Vũ Quý Hà	Thành viên	286.000.000	Đã nghỉ
3	Nguyễn Văn Tồn	Thành viên	286.000.000	
4	Phạm Thị Phương An	Thành viên	196.000.000	Đã nghỉ
5	Lương Thị Lan Hương	Thành viên	286.000.000	Đã nghỉ
6	Lưu Việt Thịnh	Chủ tịch HĐQT	270.000.000	Bầu bổ sung 01/04/2017
7	Phạm Mạnh Hà	Thành viên	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
8	Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
9	Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
10	Nguyễn Anh Việt		50.000.000	
II	Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Trưởng Ban	154.000.000	Đã nghỉ
2	Nguyễn Đức Tài	Thư ký HĐQT	69.000.000	Đã nghỉ
3	Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên	73.000.000	Đã nghỉ
4	Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng Ban	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
5	Tào Minh Dương	Thành viên	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
6	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
III	Ban giám đốc			
1	Nguyễn Văn Tồn	Tổng Giám đốc	1.273.303.500	Sau thuế
2	Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc	0	Bầu bổ sung 01/02/2018
3	Trương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	1.041.147.975	Sau thuế
4	Hoàng Văn Anh	Kế toán trưởng	895.402.500	Sau thuế
5	Bùi Đăng Khoa	Giám đốc Tài chính	930.871.500	Sau thuế

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông/người nội bộ:

STT	Cổ đông/Người nội bộ	Chức vụ	Số cổ phiếu trước khi giao dịch	Số cổ phiếu sau khi giao dịch	Lý do	Ghi chú
1	Vương Ngọc Văn	Giám đốc Ban TCHC, người công bố thông tin	3.000	0	Bán	06/12/2017
2	Tổng Công ty cổ phần Vinaconex	Cổ đông lớn	25.500.000	0	Bán	22/12/2017
3	Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Sinh thái	Cổ đông lớn	25.210.000	0	Bán	04/01/2018

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

V. Báo cáo tài chính

1. Tổ chức kiểm toán:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam

2. Ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 được công bố trên Trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và trên trang web của Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

(Xin vui lòng vào đường link để xem Báo cáo tài chính năm 2017: <http://viwasupco.com.vn/bao-cao-tai-chinh-da-duoc-kiem-toan-nam-2017>)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu TCHC.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lân



Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5400310164 ngày 7 tháng 2 năm 2018

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010
5208412646 ngày 29 tháng 11 năm 2010
5208412646 ngày 5 tháng 7 năm 2013
5208412646 ngày 29 tháng 7 năm 2013
5208412646 ngày 18 tháng 1 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 17 tháng 12 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5400310164 ngày 7 tháng 2 năm 2018.

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Việt Thịnh	Chủ tịch (từ ngày 30/12/2017)
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch (đến ngày 30/12/2017)
Ông Nguyễn Văn Tồn	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên (từ ngày 1/2/2018)
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên (từ ngày 1/2/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên (từ ngày 1/2/2018)
Bà Lương Thị Lan Hương	Thành viên (đến ngày 30/12/2017)
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên (đến ngày 30/12/2017)
Bà Phạm Thị Phương An	Thành viên (đến ngày 31/3/2017)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tồn	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20/6/2017)

Trụ sở đăng ký

Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh
Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Hòa Bình
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 5 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-170-b



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

T.T.N.H
HẠN
P.H.A.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		284.798.322.856	269.647.096.242
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	144.885.670.609	103.491.309.538
Tiền	111		18.609.330.743	27.746.041.711
Các khoản tương đương tiền	112		126.276.339.866	75.745.267.827
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.915.925.435	106.662.160.098
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	62.426.005.839	87.143.946.367
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	14.785.095.250	19.107.882.383
Phải thu ngắn hạn khác	136		704.824.346	410.331.348
Hàng tồn kho	140	7	61.627.551.811	56.038.457.987
Hàng tồn kho	141		64.381.406.010	58.792.312.186
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.753.854.199)	(2.753.854.199)
Tài sản ngắn hạn khác	150		369.175.001	3.455.168.619
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		369.175.001	672.275.239
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.682.566.928
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	100.326.452
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		814.094.291.237	846.204.373.213
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	160.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	160.000.000
Tài sản cố định	220		679.035.937.963	767.366.405.319
Tài sản cố định hữu hình	221	8	679.035.937.963	767.324.696.983
Nguyên giá	222		1.576.071.247.398	1.567.519.216.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(897.035.309.435)	(800.194.519.956)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	41.708.336
Nguyên giá	228		878.969.151	878.969.151
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(878.969.151)	(837.260.815)
Tài sản dở dang dài hạn	240		127.812.332.152	69.966.162.857
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	127.812.332.152	69.966.162.857
Đầu tư tài chính dài hạn	250		125.000.000	250.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		125.000.000	250.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.121.021.122	8.461.805.037
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.121.021.122	8.461.805.037
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.098.892.614.093	1.115.851.469.455

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		246.596.543.737	350.387.055.643
Nợ ngắn hạn	310		82.075.351.715	143.919.831.174
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.192.855.288	21.805.568.222
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	13	17.318.350.753	11.737.022.190
Phải trả người lao động	314		3.009.229.686	5.492.209.138
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	731.346.853	5.748.652.697
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.256.450.119	1.491.131.967
Vay ngắn hạn	320	16(a)	49.920.000.000	97.375.818.803
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		647.119.016	269.428.157
Nợ dài hạn	330		164.521.192.022	206.467.224.469
Vay dài hạn	338	16(b)	164.521.192.022	206.467.224.469
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		852.296.070.356	765.464.413.812
Vốn chủ sở hữu	410	17	852.296.070.356	765.464.413.812
Vốn cổ phần	411	18	500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.202.126.044	2.202.126.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		350.093.944.312	263.262.287.768
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		180.201.922.599	102.054.982.119
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		169.892.021.713	161.207.305.649
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.098.892.614.093	1.115.851.469.455

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	413.890.552.682	407.168.703.640
Giá vốn hàng bán	11		189.152.128.561	182.757.638.911
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		224.738.424.121	224.411.064.729
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.615.586.745	3.122.868.465
Chi phí tài chính	22	23	12.823.801.151	23.363.885.495
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.479.017.143</i>	<i>22.307.391.354</i>
Chi phí bán hàng	25	24	589.569.406	1.385.967.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	36.903.744.335	32.433.983.372
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		179.036.895.974	170.350.096.535
Thu nhập khác	31		32.000.000	9.000.000
Chi phí khác	32		449.657	502.725.817
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		31.550.343	(493.725.817)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		179.068.446.317	169.856.370.718
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	9.176.424.604	8.649.065.069
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		169.892.021.713	161.207.305.649
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.398	3.224

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		179.068.446.317	169.856.370.718
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		96.656.680.615	96.253.588.567
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	376.220.690
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.615.586.745)	(3.122.868.465)
Chi phí lãi vay	06		12.479.017.143	22.307.391.354
			<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		283.588.557.330	285.670.702.864
Biến động các khoản phải thu	09		31.689.128.043	(16.833.519.097)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.177.265.024)	(6.497.381.914)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(13.835.905.344)	581.736.014
Biến động chi phí trả trước	12		2.143.192.153	(2.013.388.338)
			<hr/>	<hr/>
			302.407.707.158	260.908.149.529
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.050.944.522)	(22.633.276.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.080.576.944)	(6.266.492.182)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.833.674.310)	(5.905.560.117)
			<hr/>	<hr/>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		272.442.511.382	226.102.820.241
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(71.083.519.354)	(74.952.137.972)
Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		125.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		4.615.586.745	2.402.769.213
			<hr/>	<hr/>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.342.932.609)	(72.549.368.759)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		23.011.430.981	89.872.262.030
Tiền trả nợ gốc vay	34		(112.932.565.433)	(197.474.271.776)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(74.784.083.250)	(74.866.748.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(164.705.217.702)	(182.468.757.996)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		41.394.361.071	(28.915.306.514)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		103.491.309.538	132.406.616.052
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	144.885.670.609	103.491.309.538

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400310164 ngày 7 tháng 2 năm 2018, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là sản xuất đồ uống, nước tinh khiết đóng chai; khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch); hoạt động xây dựng chuyên dụng: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; bán buôn, bán lẻ: nước sạch, máy móc, thiết bị và vật tư ngành nước; và hoạt động kiểm tra và phân tích kỹ thuật thăm dò địa chất nguồn nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 163 nhân viên (1/1/2017: 174 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của vật tư, công cụ và dụng cụ được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và vật kiến trúc	6 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng giữa Công ty và các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh là sản xuất và cung cấp nước sạch trong một vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	136.258.672	106.894.537
Tiền gửi ngân hàng	18.473.072.071	27.639.147.174
Các khoản tương đương tiền	126.276.339.866	75.745.267.827
	<hr/>	<hr/>
	144.885.670.609	103.491.309.538
	<hr/>	<hr/>

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nước sạch	47.654.656.432	64.674.197.884
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	7.617.273.529	13.335.773.416
Các khách hàng khác	7.154.075.878	9.133.975.067
	<hr/>	<hr/>
	62.426.005.839	87.143.946.367
	<hr/>	<hr/>

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	13.195.201.150	16.128.471.150
Các nhà cung cấp khác	1.589.894.100	2.979.411.233
	<hr/>	<hr/>
	14.785.095.250	19.107.882.383
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.062.914.037	-
Vật tư	63.838.709.485	(2.753.854.199)	53.248.664.499	(2.753.854.199)
Công cụ và dụng cụ	536.819.285	-	474.856.410	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.877.240	-	5.877.240	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	64.381.406.010	(2.753.854.199)	58.792.312.186	(2.753.854.199)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 6.228 triệu VND vật tư (1/1/2017: 6.228 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dầu tư Nước sạch Sông Đà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.423.272.255.053	137.023.939.963	5.995.881.039	1.227.140.884	1.567.519.216.939
Tăng trong năm	-	1.769.717.000	6.377.436.364	31.258.182	8.178.411.546
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	373.618.913	-	-	-	373.618.913
Số dư cuối năm	1.423.645.873.966	138.793.656.963	12.373.317.403	1.258.399.066	1.576.071.247.398
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	669.171.412.551	126.551.416.242	3.607.234.296	864.456.867	800.194.519.956
Khấu hao trong năm	92.144.388.867	3.619.142.719	942.225.934	135.031.959	96.840.789.479
Số dư cuối năm	761.315.801.418	130.170.558.961	4.549.460.230	999.488.826	897.035.309.435
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	754.100.842.502	10.472.523.721	2.388.646.743	362.684.017	767.324.696.983
Số dư cuối năm	662.330.072.548	8.623.098.002	7.823.857.173	258.910.240	679.035.937.963

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 115.565 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 108.675 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 661.021 triệu VND (1/1/2017: 754.830 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16(b)).



Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	878.969.151
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	837.260.815
Khấu hao trong năm	41.708.336
Số dư cuối năm	878.969.151
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	41.708.336
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 879 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 837 triệu VND).

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	69.966.162.857	14.988.569.039
Tăng trong năm	63.130.925.008	54.981.498.854
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(499.308.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(373.618.913)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(4.411.828.800)	-
Giảm khác	-	(3.905.036)
Số dư cuối năm	127.812.332.152	69.966.162.857

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Giai đoạn 2 – Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông (Hạng mục 21Km)	126.979.860.020	69.041.954.539
Trạm bơm tăng áp	505.099.435	505.099.435
Hạng mục khác	327.372.697	419.108.883
	<hr/>	<hr/>
	127.812.332.152	69.966.162.857

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.818 triệu VND (2016: 1.596 triệu VND).

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.147.749.276	1.553.835.339	3.760.220.422	8.461.805.037
Tăng trong năm	305.451.547	1.555.415.478	4.022.506.718	5.883.373.743
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	499.308.000	499.308.000
Phân bổ trong năm	(1.042.217.053)	(996.004.394)	(5.685.244.211)	(7.723.465.658)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.410.983.770	2.113.246.423	2.596.790.929	7.121.021.122

12. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	3.822.819.927	18.099.724.635
Công ty CP Công nghiệp E Nhất	1.889.264.278	1.889.264.278
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hoá chất và Thiết bị Kim Ngưu	-	572.275.000
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Tân Tiến	1.060.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.420.771.083	1.244.304.309
	<hr/>	<hr/>
	9.192.855.288	21.805.568.222

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	-	20.704.114.420	(18.468.389.213)	2.235.725.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.382.572.887	9.176.424.604	(9.080.576.944)	2.478.420.547
Thuế thu nhập cá nhân	(100.326.452)	2.680.696.632	(2.012.576.438)	567.793.742
Thuế tài nguyên	398.306.029	4.192.141.604	(3.802.731.985)	787.715.648
Các khoản phải nộp khác				
Phí, lệ phí	8.956.143.274	6.845.153.467	(4.552.601.132)	11.248.695.609
	11.636.695.738	43.598.530.727	(37.916.875.712)	17.318.350.753
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu Nhà nước	(100.326.452)			-
Phải nộp Nhà nước	11.737.022.190			17.318.350.753

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	-	1.091.210.581
Chi phí bảo lãnh	-	3.801.137.241
Chi phí điện năng	636.346.853	761.304.875
Các khoản trích trước khác	95.000.000	95.000.000
	731.346.853	5.748.652.697

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	101.193.660	89.470.640
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.265.080	240.900.000
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	725.000.000	876.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	372.991.379	284.761.327
	1.256.450.119	1.491.131.967

Công ty Cổ phần Dầu tư Nước sạch Sông Đà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
	Vay ngắn hạn	16.485.769.209	-	(16.485.769.209)	-	-
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	16.485.769.209	-	(16.485.769.209)	-	-
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))	80.890.049.594	65.476.746.630	(96.446.796.224)	49.920.000.000	49.920.000.000
	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	30.970.049.594	15.556.746.630	(46.526.796.224)	-	-
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I	49.920.000.000	49.920.000.000	(49.920.000.000)	49.920.000.000	49.920.000.000
		97.375.818.803	65.476.746.630	(112.932.565.433)	49.920.000.000	49.920.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	USD	LIBOR + 2,35%	2018	-	46.455.073.936
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I (i)	VND	6,6% - 8,4%	2020	135.832.837.000	185.752.837.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (ii)	VND	7%	2033	78.608.355.022	55.149.363.127
				214.441.192.022	287.357.274.063
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16(a))				(49.920.000.000)	(80.890.049.594)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				164.521.192.022	206.467.224.469

- (i) Ngày 6 tháng 12 năm 2010, Công ty cùng với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HĐKT-NHPT. Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ là 493.506 triệu VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,6%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông.

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Ngày 10 tháng 12 năm 2015, Công ty cùng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ là ngân hàng đầu mối) ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HDTID/VIWASUPCO-VCB-BIDV. Hạn mức của hợp đồng là 960.000 triệu VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Phân kỳ 1 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, Giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m³. Thời hạn cho vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cố định trong 2 năm đầu là 7%/năm, từ năm thứ 3 trở đi sẽ được tính bằng lãi suất bình quân huy động tiết kiệm thông thường bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng tại Sở Giao dịch 3, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Sở Giao dịch cộng với lãi suất biên hàng năm là 2,7%/năm. Lãi suất phạt quá hạn là 130% lãi suất vay trong hạn. Ngày trả lãi theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	500.000.000.000	2.202.126.044	183.332.890.778	685.535.016.822
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	161.207.305.649	161.207.305.649
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.417.908.659)	(4.417.908.659)
Chi lương thưởng Ban điều hành	-	-	(1.860.000.000)	(1.860.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2017	500.000.000.000	2.202.126.044	263.262.287.768	765.464.413.812
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	169.892.021.713	169.892.021.713
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.836.219.169)	(4.836.219.169)
Chi lương thưởng Ban điều hành	-	-	(3.224.146.000)	(3.224.146.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	500.000.000.000	2.202.126.044	350.093.944.312	852.296.070.356

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam đã hoàn thành việc bán và chuyển giao 25.500.000 cổ phần của Công ty cho các nhà đầu tư khác bằng giao dịch thỏa thuận thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Như vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam không còn là cổ đông của Công ty.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 75.000 triệu VND, tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 75.000 triệu VND, tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

242
TY
HỮU
IG
- T.P

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	4.581.261.745	3.089.218.465
Cổ tức được chia	34.325.000	33.650.000
	4.615.586.745	3.122.868.465

23. Chi phí hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	12.479.017.143	22.307.391.354
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	376.220.690
Phí bảo lãnh	344.784.008	680.273.451
	12.823.801.151	23.363.885.495

24. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Phí truyền tải nước sạch	589.569.406	1.385.967.792

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	17.651.377.896	15.701.003.589
Chi phí khấu hao, sửa chữa tài sản cố định	2.772.285.315	2.392.812.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.233.081.585	3.078.581.826
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.246.999.539	11.261.585.193
	36.903.744.335	32.433.983.372

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	59.715.282.599	58.321.175.357
Chi phí nhân công	30.511.271.169	26.346.261.658
Chi phí khấu hao	96.656.680.615	96.253.588.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.574.718.417	23.635.505.600
Chi phí khác bằng tiền	19.187.939.159	12.021.039.758
	226.645.891.959	216.577.570.940

27. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	179.068.446.317	169.856.370.718
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.906.844.631	16.985.637.072
Số thuế của thu nhập không chịu thuế	(6.865.000)	(6.730.000)
Số thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	223.002.289	156.246.533
Ưu đãi thuế	(8.946.557.316)	(8.486.088.536)
	9.176.424.604	8.649.065.069

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2024). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024) đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất là 20% (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	169.892.021.713	161.207.305.649
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	169.892.021.713	161.207.305.649
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.398	3.224

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm. Do đó Công ty không tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh phát sinh	856.604.972	3.910.149.616
Thuê văn phòng	1.606.909.091	1.939.666.723
Chia cổ tức	38.250.000.000	38.250.000.000
Thù lao HĐQT	432.000.000	859.200.000
Chuyển giao tài sản	40.050.605.097	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nước sạch</i>		
Bán hàng	312.850.747.605	295.460.897.924
Mua hàng hóa và dịch vụ	589.569.406	1.385.967.792
<i>Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh</i>		
Bán hàng	104.796.285	112.994.563
<i>Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.500.309.088	4.051.751.055
<i>Công ty Cổ phần Vimeco</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	111.942.727	590.852.727
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	400.000.000	1.826.172.727
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.196.208.283	2.529.394.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	2.016.000.000	1.376.000.000

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí khấu hao vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	225.817.200	-
Lãi vay nhập gốc	519.283.202	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Vân Anh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Văn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

